

**CÔNG TY TNHH TM KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ NGUYỄN GIA**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH TM KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ NGUYỄN GIA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: NGUYEN GIA TECHNOLOGY ENGINEERING TM COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: NGUYEN GIA TECH CO.,LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 3703188512

**3. Ngày thành lập:** 31/01/2024

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số nhà 43/16, Đường Tân An, Phường Tân Đông Hiệp, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại: 0933431224

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                       | Mã ngành    |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                           | 4322        |
| 2.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br>Chi tiết: Thi công công trình bảo ôn                                                                                          | 4329        |
| 3.  | Hoàn thiện công trình xây dựng<br>Chi tiết: Trang trí nội, ngoại thất                                                                                           | 4330        |
| 4.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                             | 4390        |
| 5.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                 | 4659        |
| 6.  | Bán buôn kim loại và quặng kim loại                                                                                                                             | 4662        |
| 7.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết: Bán buôn vật liệu xây dựng; Bán buôn vật tư, thiết bị lắp đặt vệ sinh, đường nước, bảo ôn. | 4663        |
| 8.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu                                                                                                               | 4669        |
| 9.  | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan                                                                                                             | 7110        |
| 10. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                                                  | 7410        |
| 11. | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại<br>Chi tiết: Gia công cơ khí: Cơ khí xây dựng, cơ khí lắp máy.                                                     | 2592        |
| 12. | Vận tải hành khách đường bộ khác                                                                                                                                | 4932        |
| 13. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                  | 4933        |
| 14. | Bốc xếp hàng hóa                                                                                                                                                | 5224        |
| 15. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải                                                                                                             | 5229        |
| 16. | Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác                                                                                                                       | 7729        |
| 17. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                               | 4101(Chính) |
| 18. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                         | 4102        |
| 19. | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                                                   | 4211        |
| 20. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                    | 4212        |
| 21. | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                        | 4221        |
| 22. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                             | 4222        |
| 23. | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                                               | 4229        |
| 24. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                      | 4299        |
| 25. | Phá dỡ                                                                                                                                                          | 4311        |
| 26. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                               | 4312        |
| 27. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                           | 4321        |

**6. Vốn điều lệ:** 6.000.000.000 VNĐ

**7. Danh sách thành viên góp vốn:**

| STT | Tên thành viên  | Quốc tịch | Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức      | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức | Ghi chú |
|-----|-----------------|-----------|-----------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN VĂN GIÀU | Việt Nam  | Châu Quới 1, Phường Châu Phú B, Thành phố Châu Đốc, Tỉnh An Giang, Việt Nam | 1.800.000.000         | 30,000    | 089091014492                                                                                            |         |
| 2   | NGUYỄN VĂN CỎ   | Việt Nam  | Châu Quới 1, Phường Châu Phú B, Thành phố Châu Đốc, Tỉnh An Giang, Việt Nam | 4.200.000.000         | 70,000    | 089091016319                                                                                            |         |

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN VĂN CỎ

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 25/02/1991

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 089091016319

Ngày cấp: 14/06/2022

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Châu Quới 1, Phường Châu Phú B, Thành phố Châu Đốc, Tỉnh An Giang, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Châu Quới 1, Phường Châu Phú B, Thành phố Châu Đốc, Tỉnh An Giang, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bình Dương